

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày: 09-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến Thu và ông Bá Đình Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Tản Đình Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2013/HSST-QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thuận T, sinh năm 1982; tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức địa chính **UBND xã S**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1958 và bà **Phạm Thị Hà H**, sinh năm 1957; anh, chị, em: có 07 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ, con: Chưa có.

Là đảng viên **Đ2**. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 28/02/2023 theo Quyết định số 27-QĐ/UBKTHU ngày 28/02/2023 của **Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy B.**

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt vào ngày 21/02/2023 để tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Phùng Thế V**, sinh năm 1983; tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

Nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường **huyện B**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1957 và bà **Chu Thị H1**, sinh năm 1960; anh, chị, em: có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ: **Đỗ Thị Mỹ H2**, sinh năm 1984; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2021.

Là đảng viên **Đ2**. Đại biểu **HĐND huyện B** nhiệm kì 2021 -2026, bị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo Quyết định số 60/QĐ-HĐND ngày 05/9/2023 của **Hội đồng nhân dân huyện B**; Quyết định số 6988/QĐ –UBND ngày 30/11/2023 về việc tiếp tục tạm đình chỉ công tác đối với Phùng thế Văn

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Hồ Hồng C**, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

2. **Đỗ Thanh H3**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

3. **Diên Thị Ánh N**, sinh năm 1983 (vắng, có lý do);

Địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

4. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989 (vắng, có lý do);

Địa chỉ: **Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

5. **Huỳnh Thanh V1**, sinh năm 1990 (vắng, có lý do);

Địa chỉ: **Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

6. **Nguyễn Ngọc P1**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

7. **Nguyễn M**, sinh năm 1971(vắng, có lý do);

Địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

8. **Mai Trương D**, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

9. **Châu Thanh L**, sinh năm 1964 đã ủy quyền cho **Đỗ Minh T2** theo giấy ủy quyền;

Địa chỉ: **Khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.**

10. **Nguyễn Xuân Đ1**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

11. **Trương Văn N1**, sinh năm 1979 (vắng, có lý do);
Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**
12. **Phạm Hiếu N2**, sinh năm 1975 (vắng mặt);
Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thuận T, sinh ngày 16/3/1982, trú tại: **thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** là Công chức Địa chính – Xây dựng của Ủy Ban nhân dân xã S theo Quyết định số 6350/QQĐ-UBND ngày 31/3/2008 của Ủy Ban nhân dân huyện B “về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức cấp xã”. Theo Thông báo số 12/TB-UBND ngày 22/8/2017 của UBND xã S về “Phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức và không chuyên trách của UBND xã S” thì từ năm 2017 đến năm 2018, T được Chủ tịch Ủy Ban nhân dân xã S phân công nhiệm vụ: tham mưu tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý đất đai, công tác cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn xã theo quy định pháp luật; trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính. Chủ trì phối hợp với công chức khác thực hiện thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc hiện trạng đăng ký và sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động về đất đai trên địa bàn, xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai ...v.v.

Phùng Thế V, sinh ngày 03/5/1983, trú tại: **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** là Công chức Địa chính - Xây dựng của Ủy Ban nhân dân xã S theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân huyện B “về việc tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức cấp xã”. Theo Thông báo số 12/TB-UBND ngày 22/8/2017 của UBND xã S về “phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức và không chuyên trách của UBND xã S” thì từ ngày 22/8/2017 đến ngày 31/5/2018, V được Chủ tịch Ủy Ban nhân dân xã S phân công nhiệm vụ: Tham mưu tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý xây dựng, đô thị, giao thông và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định pháp luật ...v.v. Kể từ ngày 01/6/2018, V được chuyển sang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã S theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ban Thường trực - Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam huyện B.

Khoảng tháng 12 năm 2017, **Trương Văn N1**, sinh năm 1979, ở **khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận** đến Ủy Ban nhân dân xã S nhờ **Phùng Thế V** (Nghĩa là bạn của V) kiểm tra, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một thửa đất tại xã S do N1 mua. Sau khi kiểm tra xong, V liên hệ yêu cầu N1 cung cấp giấy chứng minh nhân dân của người dự định đứng tên thửa đất để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, N1 đi đến gặp **Nguyễn**

Ngọc P1, sinh năm 1980, ở thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận (là bạn của N1) nhờ Pháp đứng tên đề nghị đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm N1 thì được P1 đồng ý. N1 lấy giấy chứng minh nhân dân của P1 đưa cho V để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, V biết rõ nguồn gốc thửa đất làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận không phải do Pháp canh tác, sử dụng, nhưng V vẫn đi đến bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân xã S lấy 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gồm: 01 đơn đề nghị đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 tờ khai thuế trước bạ, 01 Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, 01 giấy xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp), rồi V cầm hồ sơ về phòng làm việc của mình ghi những thông tin không có thật về thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại: thôn A, xã S, diện tích đất 28.395,5 m², người sử dụng đất là Nguyễn Ngọc P1, nguồn gốc sử dụng tự khai hoang năm 2001 vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, tờ khai trước bạ. Sau đó V đưa P2 lấy ý kiến khu dân cư do mình ghi một số thông tin đưa cho N1 và bảo N1 cầm Phiếu này đi gặp ông Trần M1 - Trưởng thôn (hiện nay đã chết) nói là UBND xã S nhờ ký xác nhận. Sau khi ông M1 ký xác nhận xong, N1 cầm phiếu này đưa lại cho V thì V kiểm tra phát hiện Phiếu lấy ý kiến khu dân cư chưa ghi thông tin tên các hộ dân tứ cận biết về nguồn gốc đất nên V gọi điện cho ông Trần M1 hỏi và được ông Trần M1 cung cấp tên của các hộ tứ cận gồm: ông Nguyễn Văn H4, trú tại khu phố L, Lương S và Vũ Thích T3, trú tại thôn S, xã S để ghi bổ sung thành phần dự họp vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư (dù trên thực tế không tổ chức họp). Khi hoàn chỉnh xong các thủ tục trên, V đưa bộ hồ sơ này cho Hoàng Thuận T với mục đích là để T làm nhanh, bỏ qua các thủ tục xét duyệt tại Ủy ban nhân dân xã S.

Khi nhận bộ hồ sơ này, T kiểm tra thấy có các tài liệu gồm: 01 đơn đề nghị đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 07/12/2017, 01 tờ khai thuế trước bạ ghi ngày 07/12/2017, 01 Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ghi ngày 25/12/2017, 01 giấy xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp ghi ngày 25/12/2017 do Nguyễn Ngọc P1 ký tên đăng ký chủ sử dụng đất, còn chữ viết ghi thông tin nội dung trong các giấy tờ trên là của V. Do nể nang V là đồng nghiệp và V có hứa sau này sẽ gửi chi phí làm hồ sơ thủ tục gửi cho T nên T không kiểm tra lại thủ tục cũng như tiến hành xác minh thực địa, nguồn gốc đất, đối tượng được cấp, diện tích cấp mà ký xác nhận vào các giấy tờ trên và tham mưu cho Đỗ Thanh H3 - Chủ tịch UBND xã S ký Tờ trình số: 85/TTr-UBND ngày 22/12/2017 của UBND xã S về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, rồi chuyển hồ sơ này cho bộ phận một cửa UBND xã S để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đ3 thực hiện quy trình xét cấp. Đến ngày 10/01/2018, Chi nhánh Văn phòng Đ3 kiểm tra hồ sơ phát hiện chưa cập nhật thông tin chủ sử dụng đất trong bản đồ địa chính của UBND xã S nên đã trả hồ sơ về lại bộ phận một cửa UBND xã S.

Sau khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trả lại hồ sơ, T nói cho V biết, thì V rủ Thiên nhận cùng với N1 và Nguyễn Ngọc P1. Tại đây, V và N1 nhờ T giúp làm nhanh hồ sơ xét cấp cho Nguyễn Ngọc P1 và T đồng ý nên nói N1 sáng hôm sau đến UBND xã S cung cấp thêm thông tin. Hôm sau N1 đến UBND xã S đưa thông tin về thửa đất, diện tích đất, vị trí đất nhờ Thiên kiểm tra lại để thực hiện điều chỉnh, bổ sung tên quy chủ đất trên bản đồ địa chính, những thông tin mà N1 cung cấp trùng khớp với các tài liệu mà V đưa cho T trước đó. Thiên không tiến hành xác minh thực địa, bỏ qua các thủ tục xác minh nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất mà tham mưu cho Nguyễn Thanh N3 – Phó chủ tịch UBND xã S (được phân công phụ trách quản lý lĩnh vực đất đai) ký Tờ trình số: 05/TTr-UBND ngày 30/01/2018 của UBND xã S đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đ3 điều chỉnh, bổ sung và chỉnh lý hồ sơ địa chính của chủ sử dụng đất trong đó xác định Nguyễn Ngọc P1 là chủ sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, diện tích 28.395,5 m².

Sau khi nhận lại hồ sơ, vào ngày 13/3/2018, Chi nhánh Văn phòng Đ3 phân công Nguyễn Văn P là viên chức của Chi nhánh Văn phòng Đ3 xác minh theo Tờ trình số: 05/TTr-UBND ngày 30/01/2018 của UBND xã S (hồ sơ của Nguyễn Ngọc P1), nhưng P không đi kiểm tra thực địa mà chỉ căn cứ trên tờ trình của UBND xã S đề nghị quy chủ sử dụng đất cho Nguyễn Ngọc P1 và thông tin nguồn gốc đất do cán bộ UBND xã cung cấp và lập Biên bản làm việc tại trụ sở UBND xã S xác định: thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, diện tích 28.395,5 m² do Nguyễn Ngọc P1 đang quản lý và sử dụng, nguồn gốc của thửa đất trên là do P1 khai hoang phục hóa vào năm 2001 cho đến nay, nhưng quá trình đo đạc chưa quy tên chủ sử dụng đất, đề nghị cấp thửa đất trên cho Nguyễn Ngọc P1, rồi đưa cho T và P1 ký xác nhận. Sau đó T cầm Biên bản này đưa cho Hồ Hồng C - Phó Chủ tịch UBND xã S (được phân công phụ trách trong lĩnh vực Văn hóa- Xã hội) ký xác nhận, C biết lĩnh vực đất đai không thuộc nhiệm vụ của mình phụ trách nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản làm việc đó, C ký xác nhận trong điều kiện Chủ tịch và Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực đất đai đã đi họp, không có vụ lợi hoặc động cơ cá nhân nào khác. Trên cơ sở biên bản làm việc do P thực hiện, Chi nhánh Văn phòng Đ3 ban hành Thông báo số: 95/TB-CNVPĐKĐĐBB ngày 15/5/2018 về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính của thửa đất, tờ bản đồ, diện tích đất, tên quy chủ sử dụng đất cho Nguyễn Ngọc P1.

Sau khi nhận được thông báo của Chi nhánh Văn phòng Đ3 về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính của thửa đất trên cho ông Nguyễn Ngọc P1 thì T viết lại Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung của tờ đơn ghi ngày 07/12/2017 mà V đưa cho T và sửa lại thành ngày 30/05/2018 cho phù hợp với thời điểm chuyển hồ sơ, còn các tài liệu gồm: 01 tờ khai thuế trước bạ ngày 07/12/2017, 01 Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 25/12/2017, 01 giấy xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp ghi ngày 25/12/2017 vẫn giữ nguyên nội dung. Sau đó, T tham mưu Tờ trình số: 42/TTr-UBND ngày 18/6/2018 của UBND xã S về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất cho 07 chủ sử dụng đất tại xã S, trong đó có hồ sơ Nguyễn Ngọc P1, chuyển hồ sơ này cho bộ phận một cửa UBND xã S để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đ3 để thực hiện quy trình xét cấp.

Sau khi nhận lại hồ sơ, vào ngày 22/6/2018 Chi nhánh Văn phòng Đ3 phân công Huỳnh Thanh V1 là viên chức của Chi nhánh Văn phòng Đ3 thẩm tra, xác minh hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Ngọc P1 dựa trên nội dung thông tin có tại hồ sơ do UBND xã S cung cấp mà không đi xác minh thực địa và lập biên bản xác định thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, diện tích 28.395,5 m² đất trồng cây hàng năm khác, tách thành 02 thửa: thửa số 38, diện tích 20.000m² với hình thức công nhận và thửa đất số 39, diện tích 8.395,5m² với hình thức thuê đất. Sau khi thẩm tra hồ sơ và các thủ tục liên quan xong, ngày 11/9/2018, Chi nhánh Văn phòng Đ3 ban hành Phiếu chuyển số 404/PC-CNVPTĐKĐĐBB do Diên Thị Ánh N – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ3 ký chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường của UBND huyện B trình cho Chủ tịch UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Ngọc P1.

Ngày 14/9/2018, Chủ tịch UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận cho Nguyễn Ngọc P1. Đến ngày 15/9/2018, tại Văn Phòng C3, Nguyễn Ngọc P1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² cho ông Châu Thanh L, sinh năm 1964, ở khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận với giá tiền 50.000.000 đồng; còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m² không chuyển nhượng được do đất thuộc loại nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm.

Quá trình điều tra xác định: Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 10, diện tích 28.395,5 m² đất trồng cây hàng năm khác, tách thành 02 thửa: thửa số 38, diện tích 20.000m² với hình thức công nhận và thửa đất số 39, diện tích 8.395,5m², mục đích là đất trồng cây hàng năm tọa lạc, tại thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp cho Nguyễn Ngọc P1 trùng với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 149, diện tích 29.799 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Chủ tịch UBND huyện B cấp cho ông Phạm Hiếu N2, sinh năm: 1975, trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 20/5/2016 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 799555.

Đến năm 2020, ông Phạm Hiếu N2 thực hiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Đinh Thị Thu T4, sinh năm 1975, ở khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận, sau khi đặt cọc với số tiền 100.000.000 đồng thì biết được Giấy chứng nhận số CC 799555 bị chồng lấn với 02 giấy chứng nhận số CM 371399 và CM 371400 của ông Nguyễn Ngọc P1 nên bà T4 yêu cầu ông Phạm Hiếu N2 trả cọc lại,

đồng thời ông **Phạm Hiếu N2** làm đơn tố giác **UBND huyện B** vi phạm trong lĩnh vực đất đai.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 34/2023/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện B** kết luận: Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác có địa chỉ tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399 do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên: thời điểm định giá ngày 14/9/2018 có giá trị là 116.800.000 đồng và thời điểm ngày 14/11/2022 có giá trị là 602.380.000 đồng. Đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác có địa chỉ tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371400 do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên, không xác định giá trị vì là đất thuê.

Về tang, vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên người sử dụng (do ông **Châu Thanh L** giao nộp), đây là vật chứng của vụ án nên sẽ lưu cùng hồ sơ vụ án và đề nghị **UBND huyện B** hủy do không có giá trị pháp lý.

Qua khám xét nơi làm việc của **Hoàng Thuận T** tại **UBND xã S** thu giữ: 01 cuốn sổ mục kê đất đai **xã S** ngày 09/4/2006 (bản gốc) và 01 tờ bản đồ đa dạng hóa nông nghiệp (bản gốc), đây tài liệu phục vụ trong lĩnh vực đất đai tại **UBND xã S**, không phải là vật chứng của vụ án nên sẽ trả lại cho **UBND xã S** theo quy định pháp luật.

Về phần dân sự: Sau khi giao nộp lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông **Châu Thanh L** không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS.HBB ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố các bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế V** về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ Luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị

cáo **Hoàng Thuận T** từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Phùng Thế V** từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 30 tháng về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

- Về tang, vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Đề nghị HĐXX:

+ Yêu cầu **UBND huyện B** hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên người sử dụng do không có giá trị pháp lý.

+ Trả lại 01 cuốn sổ mục kê đất đai **xã S** ngày 09/4/2006 (bản gốc) và 01 tờ bản đồ đa dạng hóa nông nghiệp (bản gốc) cho **UBND xã S**.

-**Về phân trách nhiệm dân sự:** Sau khi giao nộp lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông **Châu Thanh L** không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông **Trương Văn N1**, ông **Nguyễn Xuân Đ1**, ông **Nguyễn M**, ông **Nguyễn Ngọc P1**, ông **Mai Chương D1**: những người này có liên quan đến hoạt động mua bán, giao dịch, thỏa thuận, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai quy định pháp luật nhưng chưa đủ cơ sở chứng minh có hành vi cấu kết, móc nối, lừa dối để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Ngọc P1** để chuyển nhượng cho ông **Châu Thanh L** nhằm chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có dấu hiệu phạm tội thì sẽ xử lý theo quy định pháp luật nên tại phiên tòa hôm nay không xem xét giải quyết.

Đối với ông **Hồ Hồng C**: với vai trò là Phó chủ tịch **UBND xã S** được phân công phụ trách khối Văn hóa – Xã hội nhưng ông đã ký xác nhận vào biên bản làm việc ngày 13/3/2018 của Chi nhánh **Văn phòng Đ3**, nội dung biên bản làm việc trên là xác minh thửa đất, nguồn gốc đất, tên quy chủ sử dụng đất cho ông **Nguyễn Ngọc P1** trú tại **xã S** theo Tờ trình số: 05/TTr-UBND ngày 30/1/2018 của **UBND xã S** về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất là không đúng nhiệm vụ của mình, vượt quá quyền hạn của mình. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định vi phạm trên là do thiếu sót chứ không có vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với ông **Đỗ Thanh H3**: với vai trò là Chủ tịch **UBND xã S**, mặc dù không trực tiếp tham gia cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử

dụng đất nhưng đã ký xác nhận đại diện UBND xã S vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư trong hồ sơ thẩm tra, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1, thiếu kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và giám sát hoạt động của cán bộ do mình quản lý. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định vi phạm trên là do thiếu trách nhiệm nhưng chỉ gây ra thiệt hại về vật chất là 50.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn P: là viên chức Chi nhánh Văn phòng Đ3 được giao nhiệm vụ xác minh nguồn gốc đất, sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất, tranh chấp đất theo Tờ trình số: 05/TTr-UBND ngày 30/01/2018 của UBND xã S (hồ sơ ông Nguyễn Ngọc P1), nhưng do thiếu trách nhiệm nên vào ngày 13/3/2018 không đi kiểm tra tại thực địa mà lập biên bản xác minh nguồn gốc đất và tên quy chủ sử dụng đất tại trụ sở UBND xã S và ký xác nhận các thành phần tham gia với mục đích hợp thức hóa hồ sơ. Trên cơ sở biên bản xác minh do ông P thực hiện, Chi nhánh Văn phòng Đ3 đã ban hành Thông báo số: 95/TB-CNVPĐKĐĐBB ngày 15/5/2018 công nhận nguồn gốc đất, tên quy chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc P1 không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định vi phạm trên là do thiếu trách nhiệm nhưng chỉ gây ra thiệt hại về vật chất là 50.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với ông Huỳnh Thanh V1: là viên chức Chi nhánh Văn phòng Đ3 được giao nhiệm vụ xác minh, thẩm tra tính pháp lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã thiếu trách nhiệm nên không tiến hành kiểm tra thực địa dẫn đến không phát hiện ra sai sót từ hồ sơ của UBND xã S chuyển đến, không phát hiện việc cấp trùng vị trí, từ đó tham mưu cho lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đ3, Chủ tịch UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lên đất của người khác. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định vi phạm trên là do thiếu trách nhiệm nhưng chỉ gây ra thiệt hại về vật chất là 50.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với bà Diên Thị Ánh N: với vai trò là Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ3 được phân công nhiệm vụ phụ trách hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của 18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện B đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, không theo dõi, đôn đốc, giám sát hoạt động của cán bộ do mình quản lý nên đã ký xác nhận vào các thủ tục thẩm tra, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1 không đúng quy định pháp luật, dẫn đến tham mưu Chủ tịch UBND huyện B Chủ tịch UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lên đất của người khác. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định vi phạm trên là do thiếu trách nhiệm nhưng chỉ gây ra thiệt hại về vật chất là 50.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Ngày 02/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ban hành Văn bản số 32/(CSKT-MT) kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xem xét

xử lý cán bộ, nhân viên vi phạm về mặt hành chính đối với bà **Diên Thị Ánh N**, ông **Nguyễn Văn P** và ông **Huỳnh Thanh V1** theo quy định pháp luật. Cùng ngày 02/10/2023, Cơ quan CSĐT **Công an huyện B** đã ban hành Văn bản số 33/(CSKT-MT) kiến nghị Thường trực **Huyện ủy B** chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; **C1**, Đảng bộ nơi có Đảng viên vi phạm tổ chức kiểm điểm, xử lý đảng viên vi phạm đối với ông **Đỗ Thanh H3**, ông **Hồ Hồng C**, **Diên Thị Ánh N**, **Nguyễn Văn P**, **Huỳnh Thanh V1** theo quy định của Đảng nên không đề nghị kiến nghị xử lý.

Các bị cáo **Hoàng Thuận T** và Phùng Thế Văn không trình bày lời bào chữa, các bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng các bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế V** trình bày: Các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm **Diên Thị Ánh N**, **Nguyễn Văn P**, **Huỳnh Thanh V1**, **Nguyễn M**, **Trương Văn N1** có lý do, **Phạm Hiếu N2** vắng mặt không có lý do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Các bị cáo đều yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị tiếp tục xét xử vì sự vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra **Công an huyện B** đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tính tiết trong vụ án nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các

tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 12 năm 2017 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại UBND xã S, huyện B. Bị cáo Phùng Thế V đã biết rõ thửa đất làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải có nguồn gốc do Nguyễn Ngọc P1 khai hoang, canh tác, sử dụng nhưng đã liên hệ yêu cầu ông Trương Văn N1 cung cấp giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Ngọc P1, sau đó ghi các thông tin không có thật về tờ bản đồ, số thửa đất, diện tích đất, tên quy chủ sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư, tờ khai trước bạ, đưa phiếu lấy ý kiến khu dân cư do mình ghi cho Trương Văn N1 và yêu cầu N1 đi gặp ông Trần M1 - Trưởng thôn (hiện nay đã chết) ký xác nhận. Sau đó tiếp tục liên hệ với ông Trần M1 lấy thông tin các hộ tứ cận ghi vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư (dù trên thực tế không có tổ chức họp và những người này không tham gia). Khi hoàn chỉnh xong các thủ tục trên, V đã đưa bộ hồ sơ này cho bị cáo Hoàng Thuận T với mục đích là để bị cáo T làm nhanh, bỏ qua các thủ tục xét duyệt tại Ủy ban nhân dân xã S. Vì nể nang bị cáo Phùng Thế V là đồng nghiệp và được hứa sau này sẽ gửi bị cáo T chi phí làm hồ sơ nên bị cáo T không thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của mình được giao (như bỏ qua các thủ tục xét cấp, không kiểm tra lại thủ tục cũng như tiến hành xác minh thực địa, nguồn gốc đất, đối tượng được cấp, diện tích cấp) mà tham mưu hoàn thành các thủ tục cần thiết trình UBND huyện B cấp giấy chứng nhận cho Nguyễn Ngọc P1. Do đó, ngày 14/9/2018, Chủ tịch UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận cho Nguyễn Ngọc P1 trùng với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 149, diện tích 29.799 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Chủ tịch UBND huyện B cấp cho ông Phạm Hiếu N2 sinh năm: 1975, trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 20/05/2016 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 799555, làm cho ông Phạm Hiếu N2 không thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Đến ngày 15/9/2018, Nguyễn Ngọc P1 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Châu Thanh L với số tiền 50.000.000 đồng.

Vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Hoàng Thuận T là người giữ vai trò trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo Phùng Thế V là người giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ nên các bị cáo T và V phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ hành vi và hậu quả đã gây ra.

Hành vi vì động cơ cá nhân, với sự giúp sức tích cực của bị cáo Phùng Thế Văn m thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình được giao, gây ra

thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng và lợi ích hợp pháp của cá khác nêu trên của các bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế V**, đã phạm vào tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Tội phạm và hình phạt, được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản Cáo trạng số 103/CT-VKS.HBB ngày 26/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo theo khung hình phạt và điều luật đã viện dẫn trong Cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế V** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, ảnh hưởng đến lòng tin của Nhân dân đối với Nhà nước; đồng thời cũng xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khác, nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, xét thấy cáo bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế V** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo **T** có ông nội là **Hoàng Văn C2** được Hội đồng Bộ trưởng **N4** tặng Huy Chương kháng chiến hạng nhì; còn bị cáo **V** được chính quyền địa phương xác nhận là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nuôi 02 con nhỏ đang đi học và nuôi cha mẹ già. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thuận T** mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phùng Thế V** mức án từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo hời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng.

Xét về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, *nhận thấy:* Bị cáo **Hoàng Thuận T** là người giữ vai trò trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử phạt nặng hơn bị cáo **Phùng Thế V** là người giữ vai trò giúp sức. Bị cáo **T** hiện đang tạm giam, là người giữ vai trò trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo thêm 01 thời gian ngắn nhất định, để cải tạo giáo dục trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo **Phùng Thế V** là người giữ vai trò giúp sức trong vụ án, bị cáo không có vụ lợi về vật chất, hiện nay bị cáo đang tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật, chấp hành tốt nghĩa vụ nơi cư trú, bị cáo có nhân thân tốt, đã tỏ ra ăn năn hối hận hành vi phạm tội của mình, được chính quyền địa phương xác nhận là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nuôi 02 con nhỏ đang đi học và nuôi cha mẹ già, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng vụ án:* Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên người sử dụng (do ông **Châu Thanh L** giao nộp), đây là vật chứng của vụ án nên sẽ lưu cùng hồ sơ vụ án và đề nghị **UBND huyện B** hủy do không có giá trị pháp lý nên không xem xét giải quyết.

Qua khám xét nơi làm việc của **Hoàng Thuận T** tại **UBND xã S** thu giữ 01 cuốn sổ mục kê đất đai **xã S** ngày 09/4/2006 (bản gốc) và 01 tờ bản đồ đa dạng hóa nông nghiệp (bản gốc), đây tài liệu phục vụ trong lĩnh vực đất đai tại **UBND xã S**, không phải là vật chứng của vụ án nên sẽ trả lại cho **UBND xã S** theo quy định pháp luật.

[6] *Về phân trách nhiệm dân sự:* Ông **Châu Thanh L** không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 356; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Hoàng Thuận T** phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Hoàng Thuận T** 01 năm 03 tháng tù , thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2023.

* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 356; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Phùng Thế V** phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Phùng Thế V** 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (09/01/2024)

Giao bị cáo **Ủy ban nhân dân xã S** nơi bị cáo **V** đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo **V** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Biện pháp tư pháp:** Áp dụng khoản c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Yêu cầu **UBND huyện B** hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 371399, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10, diện tích 20.000 m² và số CM 371400, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.395,5 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận** do ông **Nguyễn Ngọc P1** đứng tên người sử dụng do không có giá trị pháp lý.

- Trả lại 01 cuốn sổ mục kê đất đai **xã S** ngày 09/4/2006 (bản gốc) và 01 tờ bản đồ đa dạng hóa nông nghiệp (bản gốc) cho **UBND xã S**, không phải là vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật.

* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ Luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Hoàng Thuận T** và **Phùng Thế Văn** mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo, có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2024).

Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Bắc Bình;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Bắc Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Tuấn Anh